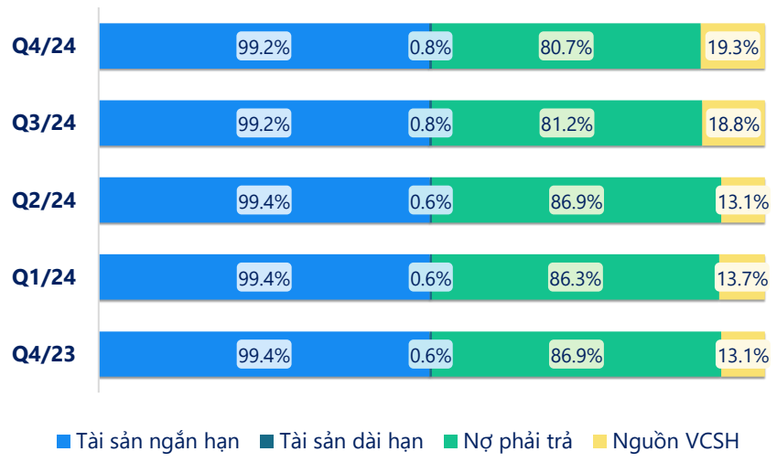
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,840
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
SL cổ phiếu LH	6,894,164
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,380
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
P/E	8.1
EPS	1,968

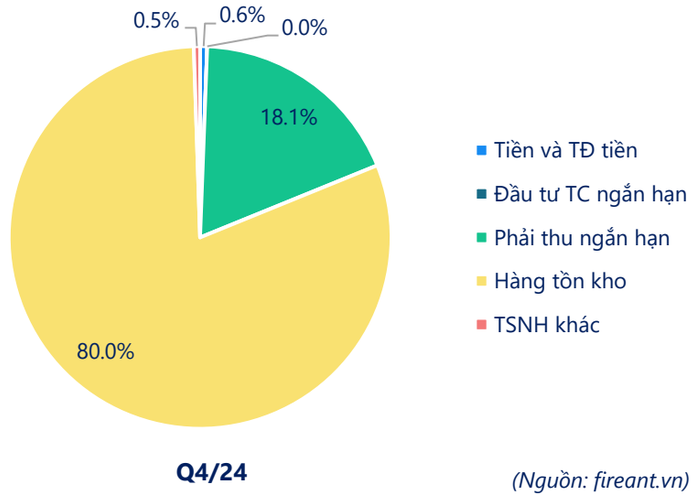
	YTD	1T	3T	6T
DIH	3.9%	4.6%	-13.5%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



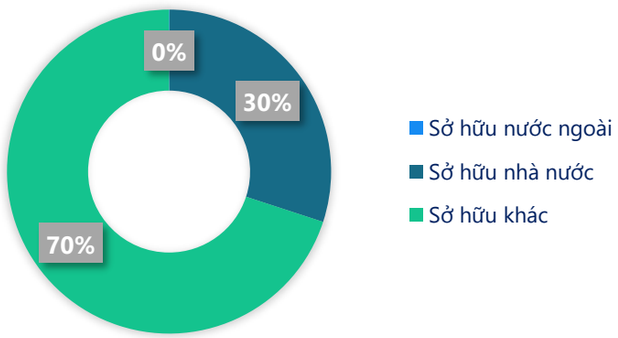
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



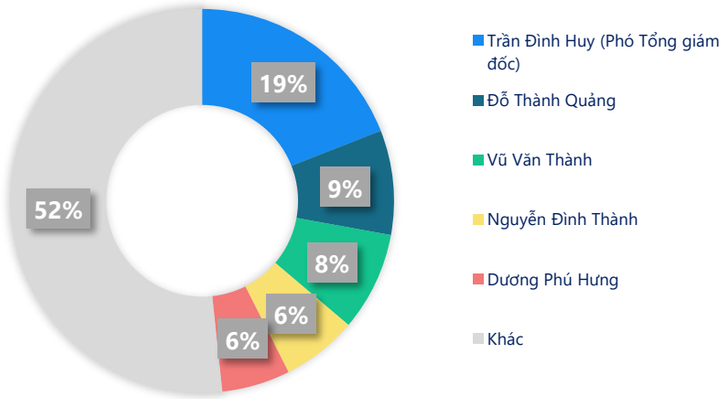
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



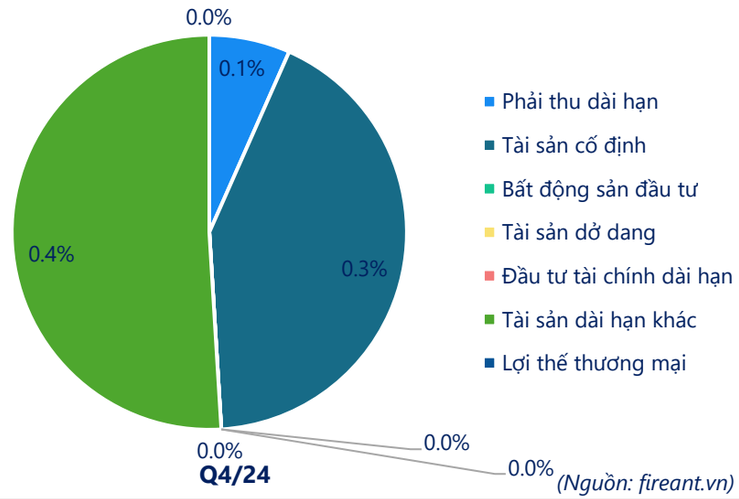
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

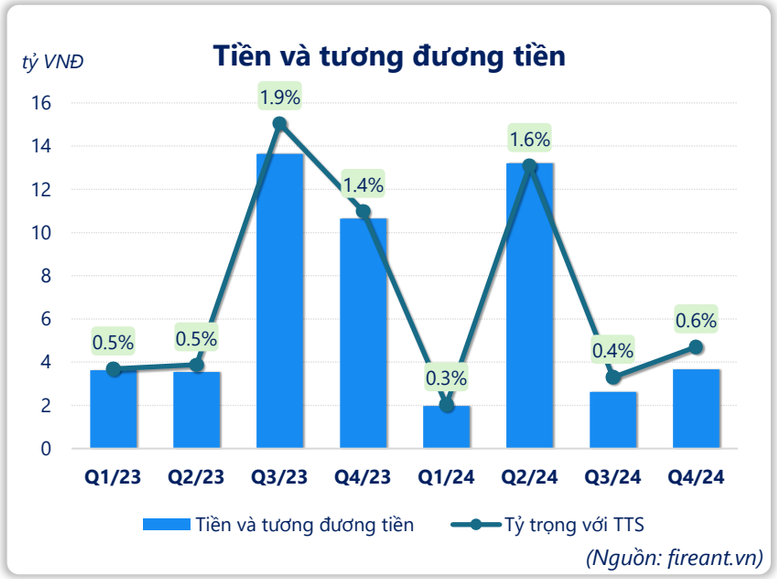
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



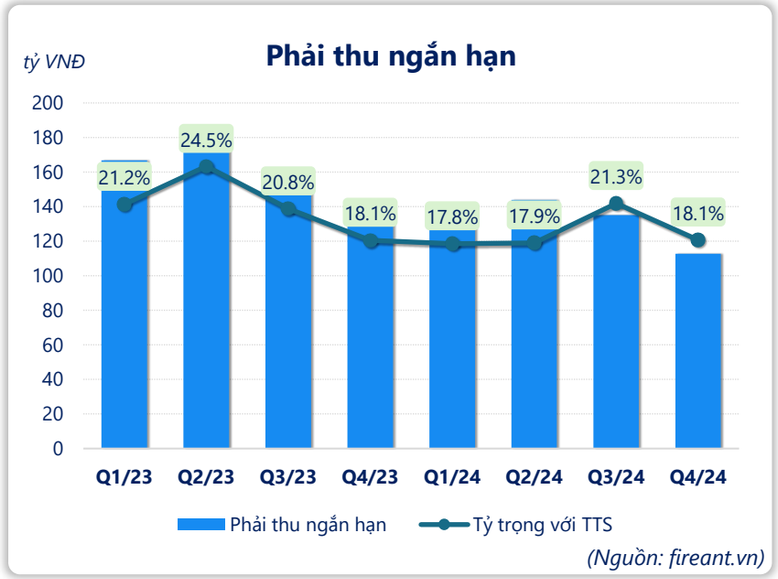
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

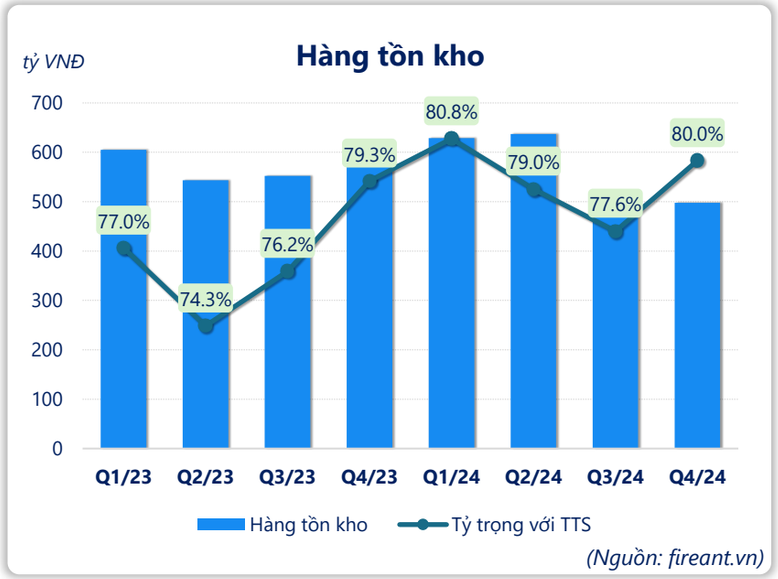
CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)



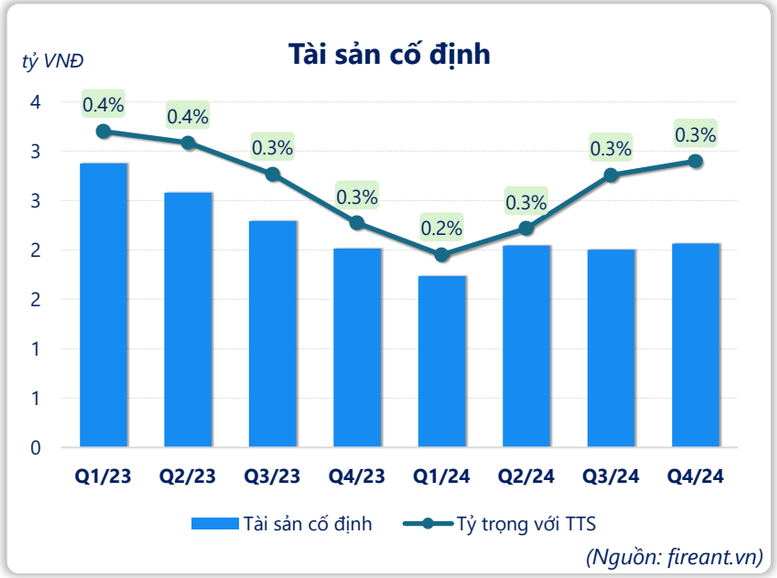
(Nguồn: fireant.vn)



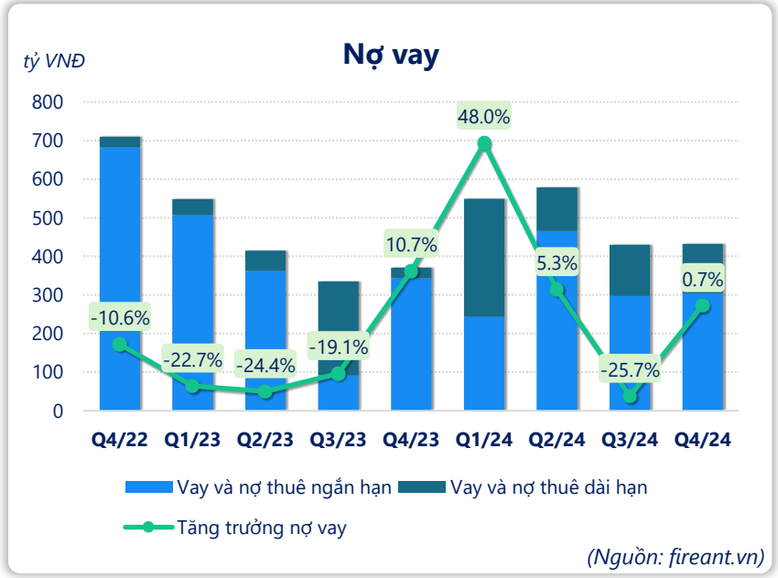
(Nguồn: fireant.vn)



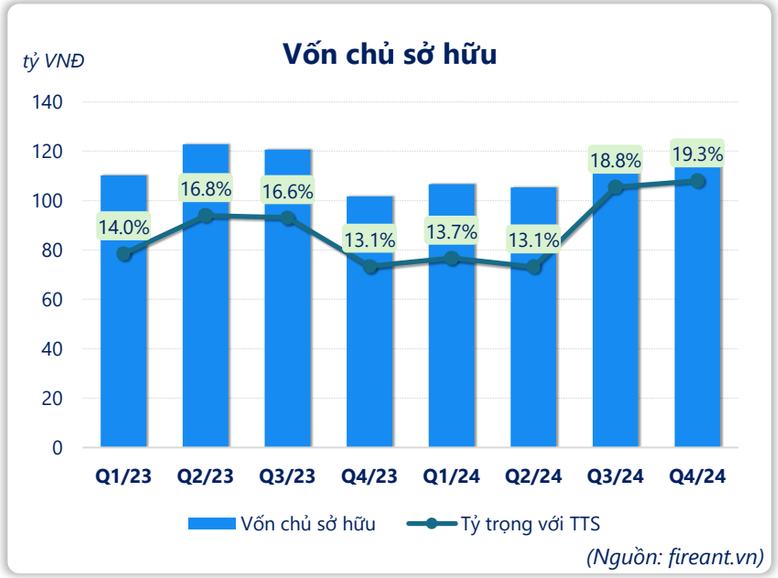
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

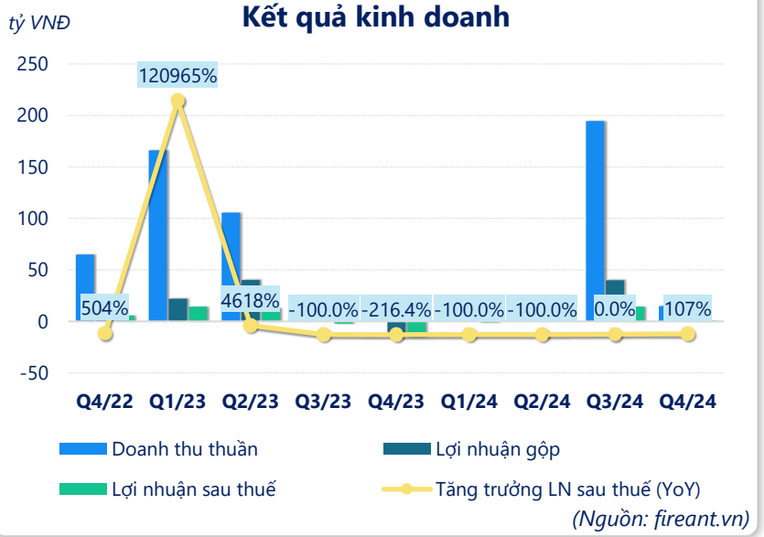


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

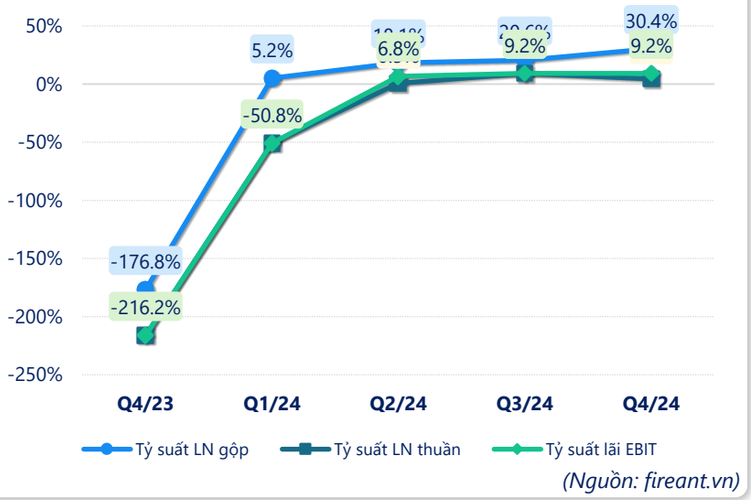
CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

Kết quả kinh doanh



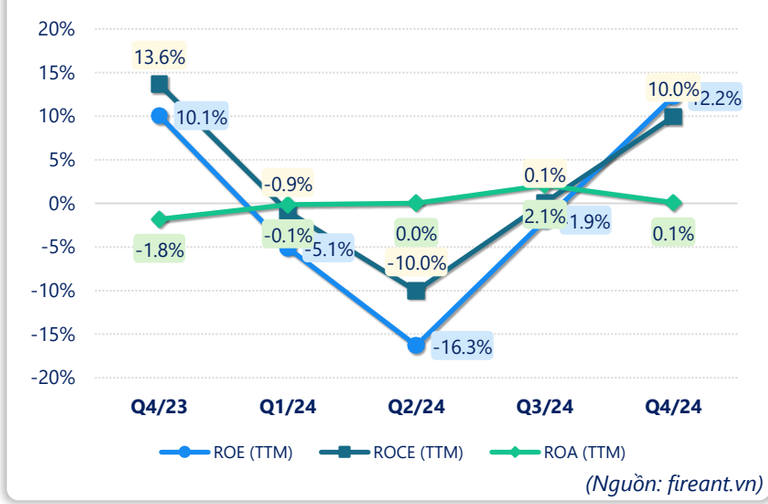
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



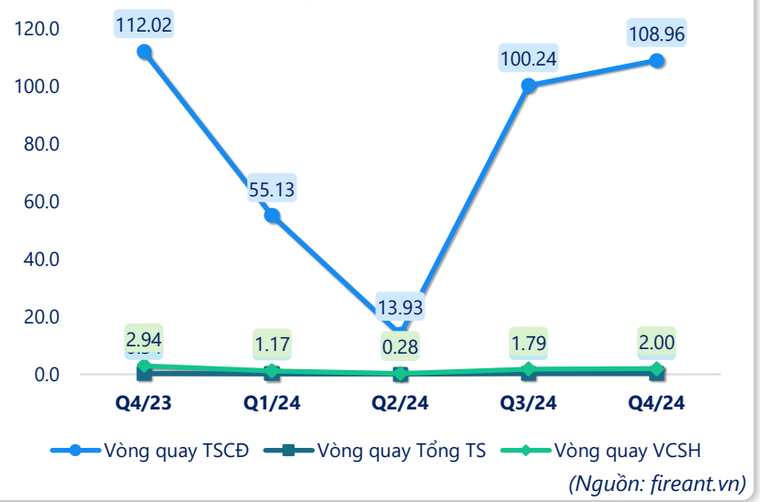
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



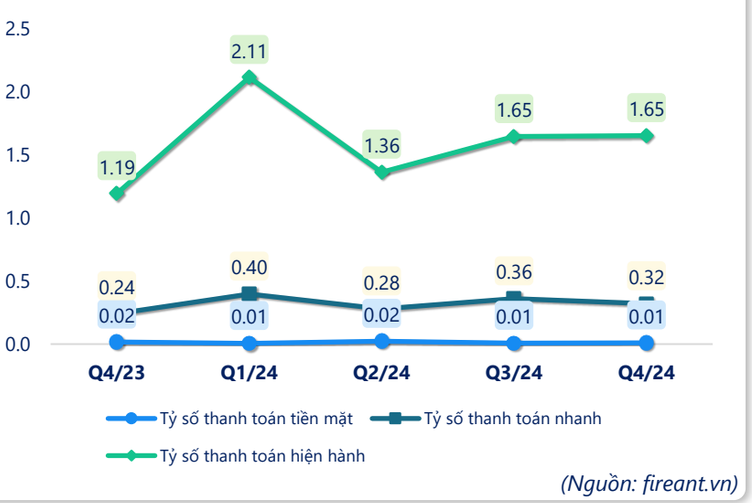
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



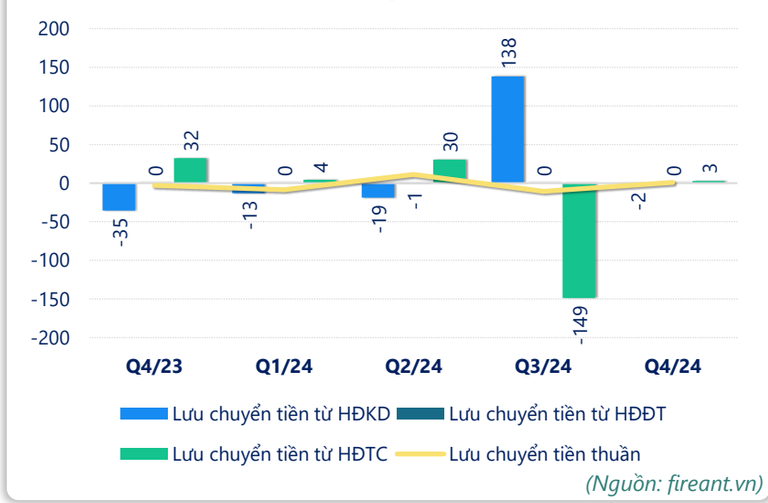
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (HNX: DIH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**622**	**776**	**-19.8%**
Tài sản ngắn hạn	617	771	-19.9%
Tiền và tương đương tiền	3.67	10.6	-65.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	113	139	-18.7%
Hàng tồn kho	498	617	-19.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.26	4.75	-31.4%
Tài sản dài hạn	**4.87**	**4.92**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	0.32	0.32	0.2%
Tài sản cố định	2.06	2.01	2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.48**	**2.58**	**-4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	502	670	-25.1%
Nợ ngắn hạn	**374**	**375**	**-0.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	304	251	21.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.2	27.6	2.3%
Nợ dài hạn	129	295	-56.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	129	295	-56.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**120**	**106**	**13.4%**
Vốn chủ sở hữu	**120**	**106**	**13.4%**
Vốn điều lệ	68.9	59.9	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	7.94	2.28	10.6	194	14.8
Giá vốn hàng bán	22.0	2.16	8.67	154	10.3
Lợi nhuận gộp	-14.0	0.12	1.92	40.0	4.51
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00	0.01	0.00	0.01
Chi phí TC	0	0.02	0.63	1.57	0.72
Chi phí lãi vay	0	0	0.66	0	0.72
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	13.7	0
Chi phí QLDN	3.15	1.26	1.24	6.80	3.16
LN thuần từ HĐKD	-17.2	-1.16	0.06	17.9	0.65
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	-17.2	-1.16	0.06	17.9	0.65
Lợi nhuận sau thuế	-15.4	-1.16	0.06	14.2	0.52
LNST của CĐ cty mẹ	-15.4	-1.16	0.06	14.2	0.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.3	-12.9	-18.6	138	-1.88
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-0.57	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.3	4.26	30.4	-149	2.91
Tiền đầu kỳ	12.5	10.6	1.97	12.0	1.45
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.01**	**-8.67**	**11.2**	**-10.6**	**1.04**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.48	1.97	13.2	1.45	2.48

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic